

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-PT

Ngày: 18-4-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương

Ông Lê Văn Quý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2017/TLPT-DS ngày 31/10/2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2017/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018 quyết định hoãn phiên tòa số 95/2018/QĐ-PT ngày 28/02/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 138/2018/QĐ-PT ngày 27/3/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969. Địa chỉ: 42/4, khu phố 3, phường H, TP. H, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1978, địa chỉ: 103B/2, khu phố 1, phường H, TP. H, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền do UBND phường H chứng thực ngày 09/9/2016).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970. Địa chỉ: 100/17, khu phố 3, phường H, TP. H, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1986, hiện cư trú: 29/37, tổ 8, khu phố 2, TT. B, huyện B, tỉnh Đồng Nai (theo hợp đồng ủy quyền do Văn phòng công chứng Kiệm Tân chứng nhận ngày 09/02/2018).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Đinh Thùy Mỹ L, sinh năm 1990. Địa chỉ: 38A/4, khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị K.
(Ông T1 có mặt, ông T, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị K có mối quan hệ buôn bán, làm ăn nhiều năm với nhau. Trong quá trình làm ăn kinh doanh, bà K có nhận của bà N nhiều lần tiền để bán gỗ. Cụ thể:

- Ngày 25/11/2014 bà Nguyễn Thị K ký nhận của bà Nguyễn Thị N số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 09/12/2014, con ruột của bà K là chị Đinh Thùy Mỹ L (tên thường gọi là T2) ký nhận thay bà K số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 19/12/2014 bà K ký nhận của bà N số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 22/12/2014 bà K nhận của bà N số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 15/01/2015 bà K nhận của bà N số tiền 350.000.000 đồng.

- Ngày 16/01/2015, bà K nhận của bà N số tiền 38.000.000 đồng.

- Ngày 01/02/2015 bà K nhận của bà N số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà K nhận của bà N có viết giấy là 3.388.000.000 đồng. Sau các lần nhận tiền thì bà K có giao gỗ cho bà N. Sau đó bà K và bà N tính toán với nhau thì bà K còn nợ bà N số tiền 355.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà N yêu cầu bà K thanh toán tiền nợ thì hai bên xảy ra tranh chấp, bà K nại ra lý do có giao thêm cho bà N ít gỗ cặm xe và cà chít với giá 203.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 152.000.000 đồng.

Ngày 26/9/2016, bà Nguyễn Thị N khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà N số tiền vay là 2.388.000.000 đồng. Tuy nhiên sự việc không phát sinh từ việc vay tài sản mà từ việc giao tiền để mua gỗ. Ngày 14/02/2017, bà Nguyễn Thị N có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định nội dung khởi kiện nêu trên và chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền bà Nguyễn Thị K còn nợ là 355.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/11/2015 cho đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 52.717.500 đồng.

- *Bị đơn trình bày:*

Giữa bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ thân thiết và làm ăn mua bán gỗ với nhau. Trong quá trình hai bên mua bán gỗ, bà K đã nhận của bà N tổng cộng là 3.700.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà K đã nhiều lần giao gỗ cho bà N và cả hai bên đã ký nhận đầy đủ. Tính đến ngày 17/11/2015, bà K đã giao cho bà N nhiều lần gỗ, sau khi trừ số tiền bà K đã nhận thì bà K còn nợ của bà N số tiền 355.000.000 đồng.

Trong quá trình giao hàng, bà K cũng đã giao thêm cho bà N 42 cục gỗ cặm xe, 03 cục gỗ cà chít. Tuy nhiên, số gỗ này giao lần nào, giao bao nhiêu lần thì bà K không nhớ và hai bên cũng không có sổ ghi chép. Tổng cộng là 42 cục gỗ cặm xe, 03 cục gỗ cà chít có giá 203.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị K chỉ thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 152.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 152.000.000 đồng cho bà N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thùy Mỹ L trình bày:

Chị là con của bà Nguyễn Thị K. Chị có ký nhận số tiền 500.000.000 đồng để thực hiện việc mua bán gỗ giữa bà N và bà K vào ngày 09/12/2014. Đây là việc mua bán gỗ chứ hoàn toàn không phải việc vay mượn tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 407.717.500 đồng (Bốn trăm lẻ bảy triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng). (trong đó tiền nợ gốc 355.000.000 đồng, tiền lãi là 52.717.500 đồng). Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị K kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của bà K yêu cầu hủy bản án phúc thẩm do cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do đã không đưa chồng bà K là ông Đinh T và con bà K là Đinh Tiến L tham gia tố tụng. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm cũng có một số chứng cứ mâu thuẫn, không khớp nhau nhưng không được làm rõ.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã không tổng đạt Thông báo về việc thay đổi

yêu cầu khởi kiện cho chị Đinh Thùy Mỹ L, không Thông báo kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải cho chị L, trong nội dung hòa giải cấp sơ thẩm không đề cập đến số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu... Do vậy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 196, khoản 3 Điều 210, Điều 10 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án Biên Hòa giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Quốc T, chị Đinh Thùy Mỹ L có đơn xin vắng mặt xét xử nên xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị K là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thùy Mỹ L theo Thông báo thụ lý vụ án số 555/TB-TLVA ngày 01/11/2016 nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng và lập, ban hành các văn bản tố tụng như hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử đều không ghi nhận tư cách tham gia vụ án của bà L. Dù bà L đã có đơn xin vắng mặt nhưng việc Tòa án không đưa bà L tham gia tố tụng và thể hiện trong các quyết định, văn bản tố tụng của Tòa án là vi phạm tố tụng.

[3] Ngày 26/9/2016, bà Nguyễn Thị N khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà N số tiền vay là 2.388.000.000 đồng. Ngày 14/02/2017, bà Nguyễn Thị N có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, trong đơn bà xác định lại nội dung khởi kiện là quan hệ mua bán gỗ giữa bà và bà K và yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 355.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/11/2015 cho đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 52.717.500 đồng.

[4] Như vậy theo đơn ngày 14/02/2017 có thể xác định rằng bà N đã có thay đổi về nội dung của quan hệ tranh chấp (từ vay tài sản thành mua bán tài sản), thay đổi về số tiền yêu cầu phải trả (từ 2.388.000.000 đồng thành 355.000.000 đồng) nhưng đối với yêu cầu trả lãi chậm trả thì phải xác định đây là yêu cầu khởi kiện bổ sung, không phải là thay đổi yêu cầu khởi kiện. Trường hợp này, bà N cần phải làm đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung và phải đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu bổ sung này. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc này và thực tế bà N đã không đóng tạm ứng án phí nhưng vẫn được giải quyết về tiền lãi chậm trả là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5] Mặc dù bà N có thay đổi về yêu cầu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập ý kiến của các bên liên quan đối với yêu cầu thay đổi của bà N và cũng không có chứng cứ nào thể hiện ý kiến của bị đơn về tiền lãi chậm trả mà nguyên đơn bà N yêu cầu. Ngay cả các Biên bản hòa giải thực hiện sau thời điểm bà N có yêu cầu thay đổi cũng không thể hiện ý kiến của bị đơn về tiền lãi chậm trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn không đồng ý với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Đối với ý kiến của đại diện bị đơn: Do hủy bản án sơ thẩm nên các trình bày của đại diện bị đơn sẽ được xem xét lại tại cấp sơ thẩm.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bà K không phải chịu án phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02276 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phụng